TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/DS-ST
Ngày: 18-8-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Phạm Phước Tâm**.
2. Bà **Võ Thị Điệp**.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 575/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 287/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1956; Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Chị **Hồ Thị Thùy D** - sinh năm 1985; Địa chỉ: Số E, tổ A, ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Đại lý Tư Công** (Hồ Văn C); Địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2023, lời trình bày tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày như sau:

Ông T với chị Hồ Thị Thùy D có quen biết trong công việc kinh doanh với nhau, khi chị D có nhu cầu cần vay và hỏi ông T một số tiền để làm vốn kinh

doanh nên ngày 05/5/2023 ông T đã cho chị D vay số tiền 800.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm triệu đồng), với mức lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 07 ngày, hai bên có xác lập biên nhận vay tiền, trong biên nhận có thể hiện chữ ký và con dấu của Đại lý Tư Công.

Nay ông T xác định người vay tiền là chị Hồ Thị Thùy D, chị D vay tiền của ông với mục đích đáo hạn ngân hàng, trong biên nhận có thể hiện con dấu hình chữ nhật của Đại lý Tư Công nhưng ông xác định không có liên quan gì đến Đại lý Tư C1, khoản vay 800.000.000 đồng là do cá nhân chị Hồ Thị Thùy D thỏa thuận vay của ông. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Buộc chị Hồ Thị Thùy D phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền vay 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng).

2. Về lãi suất: Theo tờ biên nhận vay tiền, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng nên nay ông yêu cầu chị D phải có trách nhiệm trả lãi suất 1,5%/tháng từ ngày vay (ngày 05/5/2023) đến nay (ngày 18/8/2023) làm tròn 03 tháng với số tiền là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

Như vậy, ông yêu cầu chị Hồ Thị Thùy D phải có trách nhiệm trả cho ông tổng số tiền vay gốc và tiền lãi là 836.000.000 đồng (tám trăm ba mươi sáu triệu đồng).

* Bị đơn chị Hồ Thị Thùy D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Đại lý Tư Công đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên tòa xét xử của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính biên nhận vay tiền đề ngày 5/5/2023. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thu thập đã được công khai cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết nhưng không ai có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại tổng số tiền vay và lãi suất với số tiền 836.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do nơi cư trú bị đơn ở xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa ngày 18/8/2023, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập hay các yêu cầu gì khác trong vụ án này, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị đơn chị Hồ Thị Thùy D phải có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi là 36.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là bản gốc biên nhận vay tiền đề ngày 05/5/2023 có thể hiện chữ ký của chị Hồ Thị Thùy D. Hội đồng xét xử xét thấy vào ngày 05/5/2023, giữa ông Nguyễn Văn T và chị Hồ Thị Thùy D có thỏa thuận vay tiền với nhau, số tiền thỏa thuận vay là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng, việc vay tiền đã được ông T chứng minh bằng tờ "Biên nhận vay tiền" đề ngày 05/5/2023, đã thể hiện đúng như lời trình bày của ông T.

[6] Theo tờ "Biên nhận vay tiền" ngày 05/5/2023, ông T và chị D thỏa thuận thời hạn trả nợ là trong tuần tiếp theo của ngày vay tiền nhưng đến nay chị D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận, chứng tỏ chị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi hết thời hạn như đã nêu trên nên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ.

[7] Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được biết. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn nên đây được xem là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là có thật, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả lại số tiền vay 800.000.000 đồng nêu trên là có căn cứ.

[8] Đối với yêu cầu về lãi suất, nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất 1,5%/tháng đối với số tiền vay gốc tính từ ngày vay (ngày 05/5/2023) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/8/2023) là 03 tháng 13 ngày nhưng ông tự nguyện làm tròn là 03 tháng với số tiền lãi được tính là 36.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định:

[9] Cũng theo Biên nhận vay tiền nêu trên có thể hiện mức lãi suất mà hai

bên đã thỏa thuận là 1,5%/tháng, thỏa thuận thời hạn vay là trong tuần tiếp theo kể từ ngày vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi suất từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[10] Thời gian vay từ ngày 05/5/2023 đến ngày 18/8/2023 là 03 tháng 13 ngày nhưng nguyên đơn tự nguyện giảm thời hạn tính lãi suất xuống còn 03 tháng, xét thấy sự tự nguyện của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận; như vậy số tiền lãi mà bị đơn phải trả là 800.000.000 đồng x 1,5% x 03 tháng = 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng.

[11] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, buộc chị Hồ Thị Thùy D phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vay gốc là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng và tiền lãi là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng. Như vậy tổng số tiền vay gốc và lãi suất mà chị Hồ Thị Thùy D phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T là 836.000.000 (tám trăm ba mươi sáu triệu) đồng.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[12.1] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định của pháp luật nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Buộc chị Hồ Thị Thùy D phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vay gốc là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng và tiền lãi suất là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng. Như vậy tổng số tiền vay gốc và lãi suất mà chị Hồ Thị Thùy D phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T là 836.000.000 (tám trăm ba mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng.

2. Về án phí: Chị Hồ Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 37.080.000 (ba mươi bảy triệu, không trăm tám mươi nghìn) đồng.

3. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND Tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Trường Chinh